

Số : ~~78/2015~~ CV - CNG

V/v: Giải trình số liệu chênh lệch LNST trên BCTC
Hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2025 so với cùng kỳ

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Kính gửi:

. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần tập đoàn Cotana; Mã chứng khoán: CSC xin trân trọng gửi lời chào đến Quý Ủy Ban và Quý Sở.

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, của tổ chức niêm yết theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy chế 325/QĐ-SGDHN. Công ty chúng tôi, xin gửi Quý cơ quan giải trình số liệu biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2025 so với cùng kỳ của Công ty như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2024 là: **3,850,584,015 VNĐ**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2025 là: **15,314,896,445 VNĐ**

Như vậy lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2025 của công ty tăng: **11,464,312,430 VNĐ** so với cùng kỳ do những biến động sau:

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2025	Quý I/2024	Chênh Lệch
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36,261,344,874	21,556,465,130	14,704,879,744
2	Doanh thu tài chính	394,016,409	1,579,510,757	(1,185,494,348)
3	Chi phí tài chính	5,612,916,835	2,568,271,497	3,044,645,338
4	Chi phí bán hàng	7,220,798,443	4,665,257,643	2,555,540,800
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,410,062,898	7,801,717,253	(2,391,654,355)
6	Lợi nhuận khác	1,341,970,911	(2,207,115,868)	3,549,086,779

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2025 tăng so với cùng kỳ.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (Báo cáo);
- Lưu VP Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Dinh Chi Minh Hằng

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,186,734,044,193	2,248,727,595,701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	133,151,473,640	124,640,784,308
1. Tiền	111		108,932,473,640	100,421,784,308
2. Các khoản tương đương tiền	112		24,219,000,000	24,219,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	23,708,912,054	23,708,912,054
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60,428	60,428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(50,028)	(50,028)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23,708,901,654	23,708,901,654
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365,420,776,948	414,499,675,122
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	299,034,933,926	335,399,066,866
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	14,440,317,605	13,656,056,524
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.	901,214,000	19,233,164,712
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	61,810,400,911	58,480,122,678
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10,766,089,494)	(12,268,735,658)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	1,624,091,308,009	1,641,239,473,068
1. Hàng tồn kho	141		1,624,091,308,009	1,641,239,473,068
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40,361,573,542	44,638,751,149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	23,767,472,499	27,962,312,158
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,572,178,378	15,651,195,143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	1,021,922,665	1,025,243,848
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59,170,409,654	60,769,042,535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		374,480,000	302,180,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	374,480,000	374,480,000
II. Tài sản cố định	220		32,629,318,499	33,536,543,594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	29,467,579,222	30,370,493,067
- Nguyên giá	222		83,392,996,023	85,544,451,205
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53,925,416,801)	(55,173,958,138)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	3,161,739,277	3,166,050,527
- Nguyên giá	228		3,520,016,989	3,520,016,989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358,277,712)	(353,966,462)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	16,394,158,180	16,394,158,180
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14,188,791,989	14,188,791,989
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,543,377,888	2,543,377,888
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(338,011,697)	(338,011,697)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9,772,452,975	10,536,160,761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2,766,196,447	3,457,080,792
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7,006,256,528	7,079,079,969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,245,904,453,847	2,309,496,638,236

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1,383,279,100,348	1,462,648,728,058
I. Nợ ngắn hạn	310		1,036,659,548,551	1,150,534,206,752
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	365,562,282,002	406,839,295,574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	247,915,981,415	263,116,679,887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	8,737,339,802	5,936,374,748
4. Phải trả người lao động	314		2,265,739,940	3,616,100,353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	128,662,892,414	169,899,496,554
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.	430,512,251	649,693,322
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	92,900,348,315	81,913,491,466
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	116,609,929,260	144,282,970,428
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16.	998,176,556	502,091,158
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		72,576,346,596	73,778,013,262
II. Nợ dài hạn	330		346,619,551,797	312,114,521,306
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15.	15,850,209,772	15,939,862,680
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	16,257,974,691	15,896,294,615
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	312,985,950,671	278,036,579,449
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16.	1,525,416,663	2,241,784,562
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		862,625,353,499	846,847,910,178
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	862,625,353,499	846,847,910,178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		374,089,820,000	374,089,820,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		374,089,820,000	374,089,820,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		509,724,891	509,724,891
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6,315,012,556	6,315,012,556
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		63,370,694,129	63,421,645,623
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172,313,148,060	162,072,877,857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		162,217,491,481	155,493,344,818
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10,095,656,579	6,579,533,039
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		246,026,953,863	240,438,829,251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,245,904,453,847	2,309,496,638,236

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Lê Thị Linh Trang

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND				Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	100,491,109,129	70,441,147,036	100,491,109,129	70,441,147,036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		100,491,109,129	70,441,147,036	100,491,109,129	70,441,147,036
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	64,229,764,255	48,884,681,906	64,229,764,255	48,884,681,906
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36,261,344,874	21,556,465,130	36,261,344,874	21,556,465,130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	394,016,409	1,579,510,757	394,016,409	1,579,510,757
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	5,612,916,835	2,568,271,497	5,612,916,835	2,568,271,497
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,612,916,835	2,568,271,497	5,612,916,835	2,568,271,497
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	7,220,798,443	4,665,257,643	7,220,798,443	4,665,257,643
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	5,410,062,898	7,801,717,253	5,410,062,898	7,801,717,253
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		18,411,583,107	8,100,729,494	18,411,583,107	8,100,729,494
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	1,707,870,639	44,016,166	1,707,870,639	44,016,166
13. Chi phí khác	32	VI.6.	365,899,728	2,251,132,034	365,899,728	2,251,132,034
14. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1,341,970,911	(2,207,115,868)	1,341,970,911	(2,207,115,868)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19,753,554,018	5,893,613,626	19,753,554,018	5,893,613,626
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	4,366,730,675	2,391,003,640	4,366,730,675	2,391,003,640
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10.	71,926,898	(347,974,029)	71,926,898	(347,974,029)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15,314,896,445	3,850,584,015	15,314,896,445	3,850,584,015

19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	10,095,656,579	2,563,826,754	10,095,656,579	2,563,826,754
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5,219,239,866	1,286,757,261	5,219,239,866	1,286,757,261
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.11.	270	82	270	82

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

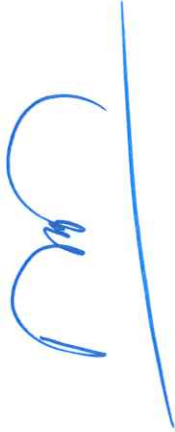
Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Lê Thị Linh Trang



Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20,143,964,978	5,893,613,626
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		640,029,309	1,067,219,873
- Các khoản dự phòng	03		(1,785,639,625)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,182,820,623)	(1,579,510,757)
- Chi phí lãi vay	06		5,612,916,835	2,568,271,497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23,428,450,874	7,949,594,239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30,592,217,628	11,246,948,676
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17,411,608,478	(6,987,915,491)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(85,920,179,363)	(57,990,710,805)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,833,928,198	(2,676,595,472)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5,571,098,289)	(2,568,271,497)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		303,373,554	(1,073,215,048)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,119,866,474)	(9,506,280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18,041,565,394)	(52,109,671,678)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		656,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,387,608,683)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27,719,559,395	8,900,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	2,448,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		393,702,210	1,579,510,757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19,381,652,922	11,727,510,757
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200,000,000	
2. Tiền thu từ đi vay	33		51,311,116,131	84,503,808,219
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44,340,514,327)	(46,036,867,011)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7,170,601,804	38,466,941,208

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8,510,689,332	(1,915,219,713)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		124,640,784,308	90,871,387,772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	133,151,473,640	88,956,168,059

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

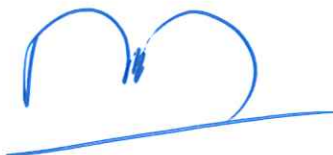
Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Lê Thị Linh Trang



Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 25 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 25 ngày 18/9/2024 về tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành thì vốn điều lệ của Công ty là **374.089.820.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi bốn tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng), tổng số cổ phần lưu hành là 37.408.982 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CSC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 như sau:

- | | |
|---------------------------------------|--|
| 1. Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana | Địa chỉ: Lô CC5A bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
Hoạt động chính: Xây dựng cầu, đường
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51 %
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51% |
| 2. Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana | Địa chỉ: Lô CC5A bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
Hoạt động chính: Tư vấn, giám sát, thiết kế xây dựng |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- | | | |
|----|---|--|
| 3. | Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana | Địa chỉ: Lô CC5A bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
Hoạt động chính: Kinh doanh thương mại
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51% |
| 4. | Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital | Địa chỉ: Tầng 6- toà nhà HCC - số 28 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Hoạt động chính: Đầu tư và kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,59% (i)
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 71,11 % (ii) |
| 5. | Công ty CP Đô thị Cotana Ecolife | Địa chỉ: DAH2-03A Dahlia, Khu đô thị An Vân Dương, phường Thủy Vân, quận Thuận Hóa, Thành phố Huế
Hoạt động chính: Đầu tư và phát triển bất động sản
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 71,37% (iii)
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 73,33% (iv) |

(i) Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 65,59%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 1,454%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,423%, và tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 1,863%.

(ii) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 71,11%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 2,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 4,75% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 3,65%.

(iii) Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Đô Thị Cotana Ecolife, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana chiếm tỷ lệ vốn góp tại công ty CP Đô thị Cotana Ecolife là 52%. Thực tế tại ngày 31/03/2025, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đô thị Cotana Ecolife là 71,37%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đô thị Cotana Ecolife là 69,33%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,04%.

(iv) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đô thị Cotana Ecolife là 73,33%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đô thị Cotana Ecolife là 69,33%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 4,00%.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 như sau:

- | | | |
|----|-----------------------------|--|
| 1. | Công ty TNHH Kính Thành Nam | Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Hoạt động chính: Sản xuất kính
Tỷ lệ phần sở hữu: 25,88%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25,88% |
|----|-----------------------------|--|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- | | |
|--|--|
| 2. Công ty TNHH BMS
Thành Nam | Địa chỉ: Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội
Hoạt động chính: Sản xuất cốt thép
Tỷ lệ phần sở hữu: 25,09%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25,09% |
| 3. Công ty CP Kiến trúc
cảnh quan Cotana
Green | Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
Hoạt động chính: Kiến trúc cảnh quan
Tỷ lệ phần sở hữu: 20,68%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,68% |
| 4. Công ty CP Dịch vụ đô
thị Green Garden | Địa chỉ: Tầng 2 CM3-21 Camellia Khu đô thị An Vân Dương, Phường
Thủy Vân, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính: Dịch vụ
Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30% |
| 5. Công ty CP Xây dựng
Cotana | Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Hoạt động chính: Xây lắp
Tỷ lệ phần sở hữu: 45%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45% |

Danh sách đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana, địa chỉ tại số 2-4-6 Đường số 7, Khu dân cư Conic, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty, chi nhánh Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau ngày mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 49
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, các khoản chi phí môi giới bán hàng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm đến 03 năm.

Chi phí môi giới bán hàng là toàn bộ các khoản chi phí mà Công ty chi ra phục vụ cho hoạt động bán căn hộ hình thành trong tương lai và được phân bổ khi có doanh thu bán căn hộ.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước khối lượng hoàn thành, chi phí lãi vay phải trả và các khoản trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% trên giá trị đã quyết toán. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội và khoản doanh thu nhận trước phí dịch vụ tiện ích khách hàng đã ứng trước cho nhiều kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản công ty con trả cổ tức cho công ty mẹ bằng cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu xây lắp, cho thuê thiết bị, văn phòng và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh;
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	108,932,473,640	100,421,784,308
Tiền gửi ngân hàng	680,885,889	2,536,857,348
	108,251,587,751	97,884,926,960
Các khoản tương đương tiền	24,219,000,000	24,219,000,000
Cộng	133,151,473,640	124,640,784,308

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh		
Tổng giá trị cổ phiếu	10,400	14,900
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	10,400	14,900
	(50,028)	(50,028)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đơn vị tính: VND		
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng	23,708,901,654	23,708,901,654
Cộng	23,708,901,654	23,708,901,654

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Đầu tư vào công ty liên kết	31/03/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2,070,000,000	(737,955,874)	1,332,044,126	2,070,000,000	(737,955,874)	1,332,044,126
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4,311,878,500	(1,807,089,847)	2,504,788,653	4,311,878,500	(1,807,089,847)	2,504,788,653
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	600,000,000	2,143,375,856	2,743,375,856	600,000,000	2,143,375,856	2,743,375,856
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	1,500,000,000	2,358,759,504	3,858,759,504	1,500,000,000	2,358,759,504	3,858,759,504
Công ty Cổ phần Xây dựng COTANA	4,500,000,000	(750,176,150)	3,749,823,850	4,500,000,000	(750,176,150)	3,749,823,850
Cộng	12,981,878,500	1,206,913,489	14,188,791,989	12,981,878,500	1,206,913,489	14,188,791,989
Đầu tư vào đơn vị khác	31/03/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59,360,200	-	59,360,200	59,360,200	-	59,360,200
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550,000,000	(47,137,534)	502,862,466	550,000,000	(47,137,534)	502,862,466
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534,017,688	-	534,017,688	534,017,688	-	534,017,688
Công ty CP Hudland thương mại và dịch vụ	500,000,000	-	500,000,000	500,000,000	-	500,000,000
Công ty CP Capella Việt Nam	500,000,000	(290,874,163)	209,125,837	500,000,000	(290,874,163)	209,125,837
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	400,000,000	-	400,000,000	400,000,000	-	400,000,000
Cộng	2,543,377,888	(338,011,697)	2,205,366,191	2,543,377,888	(338,011,697)	2,205,366,191

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Phải thu của khách hàng

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	3,769,375,000	(580,812,500)	3,769,375,000	(580,812,500)
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	13,794,801,877	-	13,662,620,141	-
Công ty CP Ivland	214,034,596,192	-	231,540,800,026	-
Các đối tượng khác	67,436,160,857	(6,786,195,880)	86,426,271,699	(8,361,142,044)
Cộng	299,034,933,926	(7,367,008,380)	335,399,066,866	(8,941,954,544)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

3. Trả trước cho người bán

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư sinh thái Đại Dương	4,240,115,198	-	4,240,115,198	-
Các đối tượng khác	10,200,202,407	(1,247,426,781)	9,415,941,326	(1,247,426,781)
Cộng	14,440,317,605	(1,247,426,781)	13,656,056,524	(1,247,426,781)

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

4. Phải thu về cho vay

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ông Đoàn Văn Vinh	-	-	18,331,950,712	-
Các đối tượng khác	901,214,000	(901,214,000)	901,214,000	(901,214,000)
Cộng	901,214,000	(901,214,000)	19,233,164,712	(901,214,000)

5. Phải thu khác

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	61,810,400,911	(1,178,140,333)	58,480,122,678	(1,178,140,333)
Tạm ứng	8,652,552,997	(97,899,455)	6,233,765,640	(97,899,455)
Ký cược, ký quỹ	-	-	100,000,000	-
Lãi dự thu, phải thu về lãi cho vay	124,870,170	-	133,880,364	-
Phải thu khác	53,032,977,744	(1,080,240,878)	52,012,476,674	(1,080,240,878)
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB	18,929,875,000	-	18,929,875,000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	12,858,125,000	-	12,858,125,000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bemes	13,976,303,684	-	12,973,709,486	-
Các đối tượng khác	2,268,674,060	(1,080,240,878)	2,250,767,188	(1,080,240,878)

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Dài hạn	374,480,000	(72,300,000)	374,480,000	(72,300,000)
Ký cược, ký quỹ	206,600,000	-	206,600,000	-
Phải thu khác	167,880,000	(72,300,000)	167,880,000	(72,300,000)
Các đối tượng khác	167,880,000	(72,300,000)	167,880,000	(72,300,000)
Cộng	62,184,880,911	(1,250,440,333)	58,854,602,678	(1,250,440,333)

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Nợ xấu	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>10,931,360,619</i>	<i>3,564,352,239</i>	<i>12,515,306,783</i>	<i>3,573,352,239</i>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527,666,305	-	527,666,305	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	720,914,571	-	720,914,571	-
Công ty Phát triển số 1- TNHH MTV	-	-	1,574,946,164	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	3,769,375,000	3,188,562,500	3,769,375,000	3,188,562,500
Công ty TNHH BOT Quốc lộ 6 Hòa Lạc Hòa Bình	1,322,719,462	-	1,322,719,462	-
Các đối tượng khác	4,590,685,281	375,789,739	4,599,685,281	384,789,739
<i>Tạm ứng</i>	<i>97,899,455</i>	<i>-</i>	<i>97,899,455</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1,152,540,878</i>	<i>-</i>	<i>1,080,240,878</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>1,247,426,781</i>	<i>-</i>	<i>1,247,426,781</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về cho vay</i>	<i>901,214,000</i>	<i>-</i>	<i>901,214,000</i>	<i>-</i>
Cộng	14,330,441,733	3,564,352,239	15,842,087,897	3,573,352,239

7. Hàng tồn kho

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3,355,707,354	-	3,284,692,846	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,593,983,083,183	-	1,611,208,311,118	-
Hàng hóa	13,406,231,571	-	13,496,115,203	-
Hàng hóa bất động sản	13,346,285,901	-	13,250,353,901	-
Cộng	1,624,091,308,009	-	1,641,239,473,068	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2024	3,153,499,999	366,516,990	3,520,016,989
Số dư ngày 31/12/2024	3,153,499,999	366,516,990	3,520,016,989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	-	353,966,462	353,966,462
Khấu hao trong kỳ	-	4,311,250	4,311,250
Số dư ngày 31/03/2025	-	358,277,712	358,277,712
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	3,153,499,999	12,550,528	3,166,050,527
Tại ngày 31/03/2025	3,153,499,999	8,239,278	3,161,739,277

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2025	42,024,751,289	18,022,761,237	22,427,705,045	1,780,233,634	1,289,000,000	85,544,451,205	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2,551,455,182)	-	-	(2,551,455,182)	
Số dư ngày 31/03/2025	42,024,751,289	18,022,761,237	20,276,249,863	1,780,233,634	1,289,000,000	83,392,996,023	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2025	16,500,426,280	17,226,628,973	18,577,800,358	1,580,102,527	1,289,000,000	55,173,958,138	
Khấu hao trong kỳ	304,264,479	135,868,796	187,478,723	8,106,061	-	635,718,059	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,884,259,396)	-	-	(1,884,259,396)	
Số dư ngày 31/03/2025	16,804,690,759	17,362,497,769	16,881,019,685	1,588,208,588	1,289,000,000	53,925,416,801	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2025	25,524,325,009	796,132,264	3,849,904,687	200,131,107	-	30,370,493,067	
Tại ngày 31/03/2025	25,220,060,530	660,263,468	3,395,230,178	192,025,046	-	29,467,579,222	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Chi phí trả trước

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23,767,472,499	27,962,312,158
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1,980,813,362	2,442,499,335
Chi phí môi giới bán nhà dự án Camellia	3,433,526,584	4,149,823,783
Chi phí môi giới bán nhà của dự án nhà ở Dahlia	1,598,393,614	3,269,205,667
Chi phí môi giới bán nhà của dự án nhà ở IRIS	3,887,333,666	6,176,916,411
Chi phí môi giới bán nhà XH2	1,537,541,866	1,537,541,866
Chi phí trả trước khác	11,329,863,407	10,386,325,096
b) Dài hạn	2,766,196,447	3,457,080,792
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2,752,966,081	2,417,248,927
Chi phí trả trước thuê văn phòng	13,230,366	1,039,831,865
Cộng	26,533,668,946	31,419,392,950

11. Phải trả người bán

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây lắp Việt Nam	5,230,975,884	5,230,975,884	5,230,975,884	5,230,975,884
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	2,146,603,593	2,146,603,593	3,582,693,226	3,582,693,226
Công ty CP Nhôm Đô Thành	5,904,327,570	5,904,327,570	10,482,565,820	10,482,565,820
Công ty CP Island	277,932,685,903	277,932,685,903	302,610,816,100	302,610,816,100
Công ty CP Đô thị nhà đất	10,798,217,990	10,798,217,990	10,798,217,990	10,798,217,990
Công ty TNHH VN Times	6,083,199,810	6,083,199,810	5,472,518,730	5,472,518,730
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	9,315,474,213	9,315,474,213	7,363,862,138	7,363,862,138
Công ty CP HQ Win	-	-	364,577,445	364,577,445
Các đối tượng khác	48,150,797,039	48,150,797,039	60,933,068,241	60,933,068,241
Cộng	365,562,282,002	365,562,282,002	406,839,295,574	406,839,295,574

b) **Phải trả người bán là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lê Hoàng Khánh Linh	4,971,196,972	4,971,196,972
Nguyễn Thị Thanh Vân	3,852,405,141	3,852,405,141
Nguyễn Mạnh Lân	12,501,934,087	12,501,934,087
Nguyễn Duy Dũng	25,305,600	10,750,390,132
Các đối tượng khác	226,565,139,615	230,257,153,555
Cộng	247,915,981,415	263,116,679,887

b) **Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	1,858,837,157	1,587,232,967
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,280,978,185	3,529,073,764
Thuế thu nhập cá nhân	511,558,779	734,102,336
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế và khoản phải nộp nhà nước khác	85,965,681	85,965,681
Cộng	8,737,339,802	5,936,374,748
b) Phải thu		
Thuế GTGT đầu ra	11,527,268	11,527,268
Thuế thu nhập cá nhân	886,161,476	889,482,659
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	113,039,780	113,039,780
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	11,194,141	11,194,141
Cộng	1,021,922,665	1,025,243,848

14. Chi phí phải trả

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	-	3,901,657
Trích trước chi phí các hạng mục công trình hoàn thành	128,641,326,757	169,874,029,240
Chi phí phải trả khác	21,565,657	21,565,657
Cộng	128,662,892,414	169,899,496,554

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	430,512,251	649,693,322
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	430,512,251	649,693,322
b) Dài hạn	15,850,209,772	15,939,862,680
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	15,850,209,772	15,939,862,680
Cộng	16,280,722,023	16,589,556,002

c) **Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

16. Dự phòng phải trả

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	998,176,556	502,091,158
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	998,176,556	502,091,158
b) Dài hạn	1,525,416,663	2,241,784,562
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1,525,416,663	2,241,784,562
Cộng	2,523,593,219	2,743,875,720

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Phải trả khác

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	92,900,348,315	81,913,491,466
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải trả	680,160,384	643,748,367
Phải trả, phải nộp khác	75,678,102,931	67,013,337,099
Ông Phạm Mạnh Long	25,804,500,000	25,804,500,000
Bà Lê Thị Vân Anh	5,983,500,000	5,983,500,000
Ông Đào Ngọc Thanh	32,173,617,131	21,985,773,949
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11,716,485,800	13,239,563,150
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16,542,085,000	14,256,406,000
	16,257,974,691	15,896,294,615
b) Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ	-	-
Chi phí bảo trì nhà ở	12,720,090,613	12,396,363,519
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,537,884,078	3,499,931,096
Ông Đào Ngọc Thanh	2,389,462,654	2,389,462,654
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204,000,000	204,000,000
Các đối tượng khác	944,421,424	906,468,442
Cộng	109,158,323,006	97,809,786,081

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/03/2025				Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	116,609,929,260	116,609,929,260	18,899,018,376	46,572,059,544	144,282,970,428	144,282,970,428	144,282,970,428	
Vay ngắn hạn	101,609,929,260	101,609,929,260	18,899,018,376	41,572,059,544	124,282,970,428	124,282,970,428	124,282,970,428	
Công ty CP Tư vấn xây dựng Vinaconex	3,600,000,000	3,600,000,000	-	-	3,600,000,000	3,600,000,000	3,600,000,000	
Quỹ hỗ trợ sinh viên tài năng ngành Xây dựng	6,400,000,000	6,400,000,000	-	-	6,400,000,000	6,400,000,000	6,400,000,000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	45,961,330,446	45,961,330,446	13,230,812,135	20,495,264,385	53,225,782,696	53,225,782,696	53,225,782,696	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	3,933,679,525	3,933,679,525	4,494,277,346	6,506,129,572	5,945,531,751	5,945,531,751	5,945,531,751	
Vay các cá nhân	41,714,919,289	41,714,919,289	1,173,928,895	14,570,665,587	55,111,655,981	55,111,655,981	55,111,655,981	
Bà Đình Thị Minh Hằng	561,300,000	561,300,000	-	412,000,000	973,300,000	973,300,000	973,300,000	
Vay các cá nhân khác tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	470	470	-	-	470	470	470	
Bà Đặng Thu Vỹ	27,473,144,195	27,473,144,195	661,118,404	-	26,812,025,791	26,812,025,791	26,812,025,791	
Ông Đào Ngọc Thanh	13,680,475,094	13,680,475,094	512,810,491	11,327,119,900	24,494,784,503	24,494,784,503	24,494,784,503	
Vay các cá nhân khác	(470)	(470)	-	2,831,545,687	2,831,545,217	2,831,545,217	2,831,545,217	
Vay dài hạn đến hạn trả	15,000,000,000	15,000,000,000	-	5,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân	15,000,000,000	15,000,000,000	-	5,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)					Mẫu số B09a - DN/HN
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)					
b) Vay dài hạn	312,985,950,671	312,985,950,671	34,951,572,198	2,200,976	278,036,579,449
Vay dài hạn ngân hàng	295,458,374,175	295,458,374,175	32,018,242,952	-	263,440,131,223
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân	295,458,374,175	295,458,374,175	32,018,242,952	-	263,440,131,223
Vay dài hạn cá nhân	17,527,576,496	17,527,576,496	2,933,329,246	2,200,976	14,596,448,226
Vay các cá nhân khác	17,527,576,496	17,527,576,496	2,933,329,246	2,200,976	14,596,448,226
Cộng	429,595,879,931	429,595,879,931	53,850,590,574	46,574,260,520	422,319,549,877

c) Vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư ngày 01/01/2024	311,747,190,000	509,724,891	3,637,512,556	254,160,077,911	214,589,785,707	784,644,291,065
Tăng vốn năm trước	62,342,630,000	-	-	-	36,901,630,000	99,244,260,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	6,644,993,394	6,037,241,500	12,682,234,894
Phân phối các quỹ	-	-	-	(23,826,760,432)	(3,076,527,872)	(26,903,288,304)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(62,342,630,000)	-	(62,342,630,000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại Công ty con	-	-	2,677,500,000	(5,250,000,000)	2,572,500,000	-
Chia cổ tức bằng tiền tại Công ty con	-	-	-	-	(32,137,886,000)	(32,137,886,000)
Điều chỉnh ảnh hưởng do thoái vốn tại Công ty CP Xây dựng Cotana	-	-	-	(2,503,980,394)	10,043,251,155	7,539,270,761
Điều chỉnh ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	-	(4,808,822,622)	5,508,834,761	700,012,139
Số dư ngày 31/12/2024	374,089,820,000	509,724,891	6,315,012,556	162,072,877,857	240,438,829,251	783,426,264,555
Lãi trong kỳ này	-	-	-	10,095,656,579	5,219,239,866	15,314,896,445
Giảm khác	-	-	-	144,613,624	368,884,746	513,498,370
Số dư ngày 31/03/2025	374,089,820,000	509,724,891	6,315,012,556	172,313,148,060	246,026,953,863	799,254,659,370

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	374,089,820,000	311,747,190,000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	374,089,820,000	311,747,190,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	62,342,630,000	56,209,790,000

d) Cổ phiếu

	31/03/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37,408,982	37,408,982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37,408,982	37,408,982
- Cổ phiếu phổ thông	37,408,982	37,408,982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37,408,982	37,408,982
- Cổ phiếu phổ thông	37,408,982	37,408,982
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2025	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 31/03/2025
Quỹ đầu tư phát triển	63,421,645,623		50,951,494	63,370,694,129
Cộng	63,421,645,623	-	50,951,494	63,370,694,129

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2025.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Xây dựng Cotana
Công ty TNHH Kính Thành Nam
Công ty TNHH BMS Thành Nam
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden
Công ty CP Tập đoàn Ecopark
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinaconex
Ông Đào Ngọc Thanh
Bà Đào Thu Thủy
Ông Bùi Tiến Hùng
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan
Ông Đoàn Văn Tuấn
Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Bà Đinh Thị Minh Hằng
Ông Trần Trọng Đại
Bà Nguyễn Hải Yến

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Tổ chức có liên quan đến ông Bùi Tiến Hùng
Tổ chức có liên quan đến bà Nguyễn Thị Thu Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông lớn
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc nhân sự
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Kế toán trưởng
Trưởng ban kiểm soát

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Lê Văn Đăng

Ông Đào Hồng Sơn

Bà Đặng Thu Vịnh

Thành viên ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát

Người có liên quan tới ông Đào Ngọc Thanh

a) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
		(trình bày lại)
Bán hàng		
Công ty TNHH BMS Thành Nam	34,390,688	34,004,008
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	74,131,625	63,430,358
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	64,945,615	169,039,923
Công ty CP Xây dựng Cotana	44,789,012	

Mua hàng

Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green		565,286,966
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	4,162,699,922	98,529,577

b) Số dư với các bên liên quan

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
		(Trình bày lại)

Phải thu của khách hàng

Ông Đào Ngọc Thanh	2,500,000,000	2,500,000,000
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1,911,922,785	1,865,656,328
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	1,162,770,492	1,185,899,748
Công ty CP Xây dựng Cotana	1,163,592,144	935,686,262

Trả trước cho người bán

Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinaconex	500,000,000	
--------------------------------------	-------------	--

Tạm ứng

Ông Đoàn Văn Tuấn	121,100,000	121,100,000
Ông Trần Trọng Đại	23,130,217	23,130,217
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	520,000,000	520,000,000
Ông Châu Trần Minh Khôi	15,000,000	15,000,000

Các khoản phải thu khác

Công ty TNHH BMS Thành Nam	7,300,000	7,300,000
Ông Đoàn Văn Tuấn	268,100,000	268,100,000

Phải trả người bán

Công ty TNHH BMS Thành Nam	288,445,803	288,445,803
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2,070,000,000	2,070,000,000
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	2,146,603,593	3,582,693,226
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	9,315,474,213	7,363,862,138

Các khoản phải trả khác

Ông Đào Ngọc Thanh	34,563,079,785	24,348,236,603
--------------------	----------------	----------------

Các khoản vay

Ông Đào Ngọc Thanh	13,680,475,094	24,494,784,503
Bà Đặng Thu Vịnh	27,473,144,195	26,812,025,791

Doanh thu chưa thực hiện

Công ty CP Xây dựng Cotana	1,082,073,841	1,082,073,841
----------------------------	---------------	---------------

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 do Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA tự lập và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập



Lê Thị Linh Trang

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại

Phó Tổng giám đốc



Đinh Thị Minh Hằng